

KẾ HOẠCH

**Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Điện Biên
đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/10/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-BTTTT ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ tiêu chí đánh giá phát triển hạ tầng số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Công văn số 3115/BTTTT-CVT ngày 02/8/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2023-2025 của địa phương.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát triển hạ tầng số (bao gồm hạ tầng viễn thông băng rộng, hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số, nền tảng số có tính chất hạ tầng) băng rộng, siêu rộng, phổ cập, xanh, an toàn, bền vững, mở, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Hạ tầng số được phát triển nhanh, phát triển trước phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

- Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/10/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định

hướng 2030.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về hạ tầng số; tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số, hạ tầng viễn thông của tỉnh. Đảm bảo an toàn an ninh mạng lưới, giảm thiểu các sự cố mất thông tin liên lạc, đảm bảo môi trường, cảnh quan đô thị.

- Là căn cứ để các cơ quan, đơn vị, địa phương và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phối hợp trong công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp hoàn thành các mục tiêu đề ra.

2. Yêu cầu

- Hạ tầng số được lập kế hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác.

- Các doanh nghiệp phối hợp phát triển hạ tầng số theo nguyên tắc tối đa dùng chung, chia sẻ.

- Hạ tầng số phát triển theo hướng mở, ảo hóa, tối ưu cho việc dùng chung để có thể được cung cấp như một dịch vụ, trong đó giải pháp đột phá là hạ tầng điện toán đám mây và các nền tảng số.

- Phát triển hạ tầng số đảm bảo tính kế thừa, đồng bộ, có bước đi và lộ trình cụ thể.

- Hạ tầng số phát triển an toàn, tin cậy, góp phần tạo lập niềm tin số. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng các giải pháp phát triển hạ tầng băng rộng, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh.

- Tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành liên quan trong việc triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

1. Mạng viễn thông băng rộng

- Số thuê bao băng rộng di động/100 dân: Trên 80 thuê bao/100 dân.
- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động: Trên 80%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 75%.
- Tốc độ băng rộng di động (tốc độ tải xuống theo i-Speed): Tối thiểu 50Mbps.
- Tỷ lệ cáp thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng: 100%
- Triển khai dịch vụ mạng di động 5G trên địa bàn tỉnh.
- Tỷ lệ dùng chung vị trí trạm BTS: Trên 12%.
- Tỷ lệ dùng chung cột treo cáp: Trên 50%.
- Tỷ lệ dùng chung cống bể cáp: Trên 10%.

- Tỷ lệ cơ quan Đảng, Nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước: 100%.
- Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân: Trên 12 thuê bao/100 dân.
- Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang: Trên 60%.
- Tốc độ băng rộng cố định (tốc độ tải xuống theo i-Speed): Tối thiểu 100Mbps.
- Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH): Trên 90%.
- Tỷ lệ ngàm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi trên toàn tỉnh (tập trung chủ yếu tại các khu đô thị, yêu cầu cao về mỹ quan): Trên 30%.
- 100% khu vực công sở, công cộng (sân bay, bến xe, khu du lịch, trường chuyên nghiệp, khu công nghiệp...) được phủ sóng wifi internet miễn phí.

2. Hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây

- Phát triển, duy trì tối thiểu 03 Trung tâm dữ liệu của tỉnh theo công nghệ điện toán đám mây.
- Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung cấp tỉnh có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây: 100%.
- Tỷ lệ người dân có tài khoản sử dụng dịch vụ điện toán đám mây: 50%

3. Hạ tầng công nghệ số

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác: Trên 50%.
- Triển khai công nghệ AI, blockchain, IoT hỗ trợ hiệu quả cho Chương trình Chuyển đổi số tỉnh, phát triển kinh tế số, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hệ thống quản trị số địa phương và năng lực quản trị.

4. Nền tảng số có tính chất hạ tầng

- Tỷ lệ cơ quan, tổ chức Nhà nước sử dụng nền tảng số có tính chất hạ tầng: 100%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng số có tính chất hạ tầng: 100%.

III. ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Mạng viễn thông băng rộng

- Số thuê bao băng rộng di động/100 dân: 100 thuê bao/100 dân.
- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động: 100%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 90%.
- Tốc độ băng rộng di động (tốc độ tải xuống theo i-Speed): Tối thiểu 100Mbps.

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ sóng di động băng rộng: 100%
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G đến các khu vực đô thị: 100%
- Tỷ lệ dùng chung vị trí trạm BTS: Trên 25%.
- Tỷ lệ dùng chung cột treo cáp: Trên 75%.
- Tỷ lệ dùng chung cống bể cáp: Trên 20%.
- Tỷ lệ cơ quan Đảng, Nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước: Duy trì 100%.
- Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân: Trên 20 thuê bao/100 dân.
- Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang: 100%.
- Tốc độ băng rộng cố định (tốc độ tải xuống theo i-Speed): Tối thiểu 150Mbps.
- Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH): 100%.
- Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi trên toàn tỉnh (tập trung chủ yếu tại các khu đô thị, yêu cầu cao về mỹ quan): Trên 40%.
- 100% khu vực công sở, công cộng (sân bay, bến xe, khu du lịch, trường chuyên nghiệp, khu công nghiệp...) được phủ sóng wifi internet miễn phí.

2. Hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây

- Phát triển, duy trì tối thiểu 04 Trung tâm dữ liệu của tỉnh theo công nghệ điện toán đám mây.
- Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung cấp tỉnh có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây: 100%.
- Trung bình mỗi người dân có 01 tài khoản sử dụng dịch vụ điện toán đám mây.

3. Hạ tầng công nghệ số

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác: Trên 95%.
- Tiếp tục triển khai công nghệ AI, blockchain, IoT hỗ trợ hiệu quả cho chương trình chuyển đổi số tỉnh, phát triển kinh tế số, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hệ thống quản trị số địa phương và năng lực quản trị.

4. Nền tảng số có tính chất hạ tầng

- Duy trì Tỷ lệ cơ quan, tổ chức Nhà nước sử dụng nền tảng số có tính chất hạ tầng: 100%.
- Duy trì Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng số có tính chất hạ tầng: 100%.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, phổ cập, bền vững, an toàn

- Phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao.
- Phát triển thuê bao băng rộng cố định (FTTH) tới hộ gia đình; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao được phổ cập tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học, khu dân cư, ...
- Phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G) trên phạm vi toàn tỉnh; thực hiện lộ trình dừng công nghệ di động cũ (2G/3G); thực hiện chương trình thúc đẩy sử dụng điện thoại thông minh cho người dân.
- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) đáp ứng được yêu cầu của các lĩnh vực giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị.
- Chuyển đổi mạng lưới, hệ thống thông tin sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).
- Phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp bảo đảm mỹ quan đô thị và an toàn cho người dân; triển khai các phương pháp chia sẻ hạ tầng tiên tiến (thụ động/tích cực tích hợp với các hạ tầng liên ngành có tính thiết yếu như điện, nước).
- Phát triển Mạng truyền số liệu chuyên dùng trở thành hạ tầng truyền dẫn căn bản thống nhất, ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối từ cấp tỉnh đến cấp xã kết nối các hệ thống thông tin, nền tảng, ứng dụng phục vụ Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.
- Ngầm hóa mạng cáp ngoại vi trên địa bàn tỉnh; cải tạo, chỉnh trang mạng cáp ngoại vi viễn thông; tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông đảm bảo chất lượng dịch vụ, tiết kiệm nguồn lực đầu tư, an toàn mạng lưới và mỹ quan đô thị.
- Đảm bảo an toàn an ninh cho mạng lưới viễn thông, internet. Xử lý căn bản các loại “rác” viễn thông như SIM “rác”, tin nhắn “rác”, cuộc gọi “rác”, thư “rác” làm cơ sở cho xác thực điện tử, thanh toán điện tử.
- Triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 trên địa bàn tỉnh, trong đó thực hiện hỗ trợ các hộ gia đình nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách có ít nhất 1 thiết bị thông minh (thông qua Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích); hỗ trợ sử dụng thuê bao băng rộng (cố định/di động).
- Phổ biến, hướng dẫn, tuyên truyền về chuyển đổi sang sử dụng điện thoại thông minh, sử dụng các nền tảng số.

1.2. Phát triển hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức đầu tư, xây dựng, phát triển

các trung tâm dữ liệu trên địa bàn tỉnh.

- Tích hợp, sử dụng hạ tầng điện toán đám mây vào các hệ thống thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Khuyến khích, thúc đẩy các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp và người dân ưu tiên dùng dịch vụ điện toán đám mây do các doanh nghiệp trong nước cung cấp...

1.3. Phát triển hạ tầng công nghệ số

- Phát triển hạ tầng công nghệ số, ưu tiên công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (BigData), điện toán đám mây (Cloud Computing) đáp ứng yêu cầu ứng dụng chính phủ số, phát triển đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số.

- Ứng dụng cảm biến, mạng đáng tin cậy, phần mềm và phần cứng cũng như các công nghệ khác phục vụ thu thập, lưu trữ, xử lý dữ liệu, để dữ liệu trở thành yếu tố đầu vào sản xuất mới.

- Tích hợp AI, blockchain, IoT, BigData, Cloud Computing tạo ra một hạ tầng công nghệ số an toàn, có thể kiểm soát và tương thích.

- Tăng cường quản lý quyền sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế, nhãn hiệu và bản quyền công nghệ số có giá trị cao. Khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác thiết lập một cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thông qua nhóm bằng sáng chế công nghệ số, liên minh sở hữu trí tuệ công nghệ số và các mô hình khác.

- Hệ sinh thái hạ tầng công nghệ AI, blockchain, IoT được hình thành. AI, blockchain, IoT hỗ trợ hiệu quả cho chương trình chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hệ thống quản trị số quốc gia và năng lực quản trị.

- Công nghệ số AI, blockchain, IoT trở thành nền tảng để xây dựng sức mạnh sản xuất và sức mạnh không gian mạng, phát triển kinh tế số và hệ thống quản trị số quốc gia và năng lực quản trị số...

1.4. Phát triển nền tảng số có tính chất hạ tầng

Nền tảng số có tính chất hạ tầng hình thành hạ tầng cho kinh tế số, xã hội số, chính phủ số. Phát triển, làm chủ công nghệ, sử dụng thống nhất trên toàn quốc, phục vụ hoạt động quản lý Nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công phục vụ xã hội, bao gồm: Phát triển hộ gia đình có địa chỉ số tích hợp vào nền tảng địa chỉ số quốc gia, nền tảng bản đồ số quốc gia; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

2. Giải pháp

2.1. Cơ chế, chính sách

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/10/2021 của Tỉnh ủy; Đề án Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Đề xuất, hoàn thiện các chính sách, tạo điều kiện để các doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu, trạm trung chuyển Internet, ... trên địa bàn tỉnh.

2.2. Ưu tiên phát triển hạ tầng số như hạ tầng giao thông, năng lượng

- Đề xuất, hoàn thiện các chính sách, bảo đảm trong quy hoạch tỉnh phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí để phát triển hạ tầng băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu, ...).

- Đề xuất, hoàn thiện chính sách, bảo đảm khả năng triển khai hạ tầng băng rộng đồng bộ với hạ tầng ngành khác (giao thông, xây dựng, cấp thoát nước, chiếu sáng, năng lượng) theo nguyên tắc tăng cường chia sẻ, dùng chung.

- Tăng cường phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông để tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp bảo đảm mỹ quan đô thị và an toàn cho người dân; triển khai các phương pháp chia sẻ hạ tầng tiên tiến (thụ động, tích cực).

2.3. Huy động nguồn lực, bảo đảm kinh phí, nguồn nhân lực thực hiện

- Doanh nghiệp bảo đảm kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này do doanh nghiệp triển khai.

- Nguồn vốn Quỹ dịch vụ Viễn thông công ích thực hiện nhiệm vụ đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Nhà nước.

- Hỗ trợ, thu hút doanh nghiệp khu vực tư nhân tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng số.

- Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ số, đáp ứng yêu cầu phát triển hạ tầng số; tạo mối liên kết về nhân lực giữa cơ sở đào tạo, nghiên cứu với các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số.

2.4. Bảo đảm an toàn hạ tầng số, an toàn, an ninh mạng, quyền lợi người dùng

- Triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách và văn bản hướng dẫn thi hành về bảo đảm an toàn hạ tầng số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu số, bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng.

- Xử lý các nguồn phát tán thông tin vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số từ chối hợp tác, kinh doanh với các tổ chức, doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật và không để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật sử dụng hạ tầng của mình.

- Bảo vệ quyền lợi người sử dụng trong phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

2.5. Đo lường, quản lý và giám sát

Triển khai các hệ thống đo lường, giám sát, đánh giá, quản lý Nhà nước về hạ tầng viễn thông, hạ tầng trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số, nền tảng số có tính chất hạ tầng.

2.6. Tuyên truyền, nâng cao năng lực khai thác hạ tầng số

- Tổ chức các Hội thảo, Hội nghị về hạ tầng số, phối hợp với cơ quan thông tấn báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền, phổ biến, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp trong việc phát triển hạ tầng số, từ đó thay đổi căn bản được thói quen của người dân khi sống trong môi trường xã hội số mới.

- Tuyên truyền, phổ biến những đặc tính, khả năng đáp ứng, cung cấp dịch vụ của hạ tầng băng rộng cố định, băng rộng di động chất lượng cao (5G) để các cá nhân, tổ chức nắm bắt, xác định nhu cầu (về tốc độ, độ trễ, ...) theo từng mục đích sử dụng (y tế, giáo dục, thương mại điện tử, ...) từ đó đặt hàng các doanh nghiệp hạ tầng số thiết lập cung cấp.

- Khuyến khích người dân chuyển đổi sang sử dụng điện thoại thông minh, sử dụng các nền tảng số. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến, các ứng dụng như Điện Biên smart, VneID, VssID, chữ ký số công cộng... và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

- Triển khai các chiến dịch tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lợi ích của chuyển đổi từ hạ tầng công nghệ thông tin đơn lẻ sang điện toán đám mây nhằm tăng tỷ lệ sử dụng điện toán đám mây của doanh nghiệp trong nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, áp dụng công cụ giám sát, đo lường kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch. Phối hợp với cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp viễn thông thực hiện các nội dung của Kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện và đề xuất điều chỉnh Kế hoạch (nếu có) trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng số; tăng cường dùng chung hạ tầng viễn thông, dùng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng kỹ thuật của các ngành khác, ngầm hóa mạng cáp thông tin.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị liên quan và các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng công nghệ số, doanh nghiệp chủ quản nền tảng số thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 1, 2 Mục II tại Kế hoạch này.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; đa dạng hoá hình thức truyền thông, tập huấn, hướng dẫn Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 885/QĐ-BTTTT ngày 25/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Bộ tiêu chí đánh giá phát triển hạ tầng số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (DII).

- Triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 trên địa bàn tỉnh. Tham mưu, thực hiện hỗ trợ các hộ gia đình nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh có ít nhất 01 thiết bị thông minh; hỗ trợ sử dụng thuê bao băng rộng (cố định/di động).

- Làm đầu mối cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tấn báo chí, cơ quan có Cổng/Trang thông tin điện tử, hệ thống thông tin cơ sở về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên, Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh... để thực hiện công tác tuyên truyền kịp thời, hiệu quả.

2. Sở Xây dựng

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh thực hiện việc xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông phù hợp với quy hoạch kiến trúc, đô thị của tỉnh và quy định của pháp luật về xây dựng: sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông với hạ tầng kỹ thuật đô thị (xây dựng, điện lực, giao thông); quản lý chất lượng công trình xây dựng trong lĩnh vực viễn thông trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và các nguồn khác theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách để thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh xử lý những khó khăn, vướng mắc liên quan đến giá thuê công trình hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật liên ngành; việc sử dụng tài sản công để lắp đặt các công trình viễn thông.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và các nguồn khác theo quy định phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ phát triển hạ tầng số trong các cơ quan Nhà nước của tỉnh.

- Tham mưu các giải pháp nhằm tập trung các nguồn lực, thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng số cho chuyển đổi số của tỉnh.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị.

5. Sở Công Thương

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy nhanh triển khai Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Điện Biên, đảm bảo cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng mạng lưới, cung cấp các dịch vụ viễn thông.

- Hỗ trợ phát triển hạ tầng số, sử dụng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng kỹ thuật liên ngành (điện).

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị.

6. Các sở, ban, ngành khác

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng Chính quyền số, nền tảng số có tính chất hạ tầng tại cơ quan, đơn vị đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch.

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, tích cực hỗ trợ tổ chức, công dân thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính đối với tất cả các thủ tục hành chính có phí, lệ phí; tiền điện, tiền nước, cước viễn thông ...

7. Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn quản lý và chỉ đạo tổ chức thực hiện; bảo đảm quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng địa phương có phương án quản lý, thúc đẩy phát triển hạ tầng số.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện các doanh nghiệp viễn thông triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông trên địa bàn quản lý phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

của tỉnh. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trong việc hỗ trợ và tạo điều kiện cho việc phát triển hạ tầng số trên địa bàn quản lý; triển khai kết nối, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước; đồng thời, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn duy trì thường xuyên việc kết nối, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại đơn vị.

- Hỗ trợ phát triển hạ tầng số: Bố trí không gian, địa điểm để lắp đặt thiết bị, nhà trạm, công trình viễn thông, hỗ trợ, thúc đẩy dùng chung hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

- Rà soát thiết lập, nâng cấp, cung cấp mạng wifi internet miễn phí tại các địa điểm công cộng (Bộ phận một cửa, sân bay, bến xe, khu du lịch, công sở, trường chuyên nghiệp, bệnh viện, ...).

- Hỗ trợ bảo vệ hạ tầng số, xử lý các vụ việc phá hoại hạ tầng số, cản trở xây dựng, lắp đặt các công trình viễn thông trên địa bàn.

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, tích cực hỗ trợ tổ chức, công dân thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính đối với tất cả các thủ tục hành chính có phí, lệ phí; tiền điện, tiền nước, cước viễn thông, ...

8. Báo Điện Biên Phủ, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền tạo sự đồng thuận của người dân và xã hội hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc phát triển hạ tầng số, chung tay xây dựng cùng các cấp chính quyền.

- Xây dựng chương trình, tăng cường tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn người dân về chuyển đổi sang sử dụng điện thoại thông minh, sử dụng các nền tảng số.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong tuyên truyền, quảng bá phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

- Lòng ghép xây dựng, đăng tải và phát các bản tin, phóng sự về Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh trong các trương trình chuyển đổi số của tỉnh.

9. Các doanh nghiệp viễn thông, Internet, doanh nghiệp cung cấp trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng công nghệ số, doanh nghiệp chủ quản nền tảng số

- Xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và kế hoạch hằng năm của đơn vị nhằm đạt được các mục tiêu đề ra trong Kế hoạch.

- Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng thông rộng đến tất cả các thôn, tổ dân phố, khu dân cư; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet.

- Đầu tư phát triển, nâng cấp hạ tầng viễn thông, đặc biệt ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện Kinh

tế - Xã hội khó khăn, khu vực thưa dân cư, vùng lõm sóng, trắng sóng; đồng thời đảm bảo yêu cầu dùng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định, định hướng.

- Đề xuất Tập đoàn, Tổng công ty phát triển hạ tầng, cung cấp dịch vụ thông tin di động 5G trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Tập trung ưu tiên đầu tư vào khu vực đô thị, công cộng, đông dân cư, di tích lịch sử, điểm du lịch.

- Đẩy mạnh sử dụng, cung cấp các dịch vụ ứng dụng công nghệ AI, Blockchain, IoT, nền tảng số có tính chất hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

- Cung cấp các số liệu liên quan theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông để phục vụ thẩm tra, xác minh số liệu báo cáo đánh giá phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông. Tuân thủ các hướng dẫn, yêu cầu của các cơ quan Nhà nước trong hoạt động phát triển hạ tầng số.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tăng cường vận động, hỗ trợ đoàn viên, hội viên, thành viên tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về hạ tầng số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Tăng cường việc giám sát, phát huy vai trò phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng cơ chế, chính sách và hoàn thiện pháp luật về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Trên đây là Kế hoạch Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và yêu cầu các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện thị xã, thành phố, các doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Cục Viễn thông - Bộ TT&TT;
- L/d UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Doanh nghiệp viễn thông;
- Lưu: VT, KTN^(LVC).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

PHỤ LỤC
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ TỈNH ĐIỆN BIÊN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 4734/KH-UBND ngày 10 /10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)



Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Mục tiêu cụ thể			Định hướng năm 2030
				Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
I	Mạng viễn thông băng rộng						
1	Số thuê bao băng rộng di động/100 dân.	Thuê bao/100 dân	67,4	72	76	80	100
2	Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động.	%	75,2	77	78,5	80	100
3	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	%	63	67	71	75	90
4	Tốc độ băng rộng di động (tốc độ tải xuống theo i-Speed).	Mbps	37,7	42	46	50	100
5	Tỷ lệ cáp thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng.	%	94,8	96	98	100	100
6	Triển khai cung cấp dịch vụ mạng di động 5G khu vực đô thị	%	0	0	5	15	100
7	Tỷ lệ dùng chung vị trí trạm BTS.	%	10,8	11	11,5	12	>25
8	Tỷ lệ dùng chung cột treo cáp.	%	43	45	47,5	50	>75
9	Tỷ lệ dùng chung cống bể cáp.	%	6	7	8,5	10	>20
10	Tỷ lệ cơ quan Đảng, Nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	%	100	100	100	100	100
11	Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân.	Thuê bao/100 dân	9	10	11	12	20

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Mục tiêu cụ thể			Định hướng năm 2030
				Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
12	Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang.	%	42	48	54	>60	100
13	Tốc độ băng rộng cố định (tốc độ tải xuống theo i-Speed).	Mbps	100	100	100	100	150
14	Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH).	%	88,1	88,5	89	90	100
15	Tỷ lệ ngấm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi trên toàn tỉnh (tập trung chủ yếu tại các khu đô thị, yêu cầu cao về mỹ quan).	%	21	24	27	30	>40
16	Tỷ lệ khu vực công sở, công cộng (sân bay, bến xe, khu du lịch, trường chuyên nghiệp, khu công nghiệp...) được phủ sóng wifi internet miễn phí.	%	85	90	95	100	100
II	Hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây						
17	Phát triển, duy trì Trung tâm dữ liệu của tỉnh theo công nghệ điện toán đám mây.	Trung tâm	1	1	2	3	4
18	Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung cấp tỉnh có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây.	%	100	100	100	100	100
19	Tỷ lệ người dân có tài khoản sử dụng dịch vụ điện toán đám mây.	%	40	50	75	87	100
III	Hạ tầng công nghệ số						
20	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.	%	42	45	47	>50	>95
21	Triển khai công nghệ AI, blockchain, IoT hỗ trợ hiệu quả cho chương trình chuyển đổi số tỉnh, phát triển kinh tế số, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hệ thống quản trị số địa phương và năng lực quản trị.	Có/Không	Có	Có	Có	Có	Có
IV	Nền tảng số có tính chất hạ tầng						

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Mục tiêu cụ thể			Định hướng năm 2030
				Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
22	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức Nhà nước sử dụng nền tảng số có tính chất hạ tầng.	%	100	100	100	100	100
23	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng số có tính chất hạ tầng.	%	100	100	100	100	100